

TOÀ ÁN ND Q.LIÊN CHIỂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Bản án số: **40/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 27.9.2018
V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, TP ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Văn Trình**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Minh Trí**

Ông **Nguyễn Văn Bình**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Khuất Duy Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông **Võ Quang Tiến** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị N** - sinh năm 1981

Địa chỉ: P. H, Q. L, Tp. Đ.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Huy T** - sinh năm 1980

Địa chỉ: P. H, Q. L, Tp. Đ.

(*Bà N có mặt, ông T vắng mặt lần 2 không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Tôi và ông Trần Huy T kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường TK, quận K, TP. Đ, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống tại địa chỉ P. H, Q. L, Tp. Đ. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng tôi thường đi chơi bài thâu đêm không về, rất nhiều lần lấy tiền và xe của tôi để đi cầm trả nợ bài, rất nhiều lần tôi bị giang hồ chỗ chồng tôi vay tiền đe dọa, tôi đã nhiều lần thể chấp căn nhà đang sinh sống để vay Ngân hàng trả nợ cho chồng tôi nhưng chồng tôi không sửa đổi mà diễn biến ngày càng nghiêm trọng hơn, thời gian gần đây thì

chồng thường sử dụng ma túy dẫn đến không kiểm soát hành vi và lời nói. Do vậy, tôi không thể chịu đựng được thêm nữa. Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trần Huy T.

- **Về quan hệ con chung:** Tôi và ông Trần Huy T có 02 con chung là:

+ Trần Quỳnh A - sinh ngày 01/11/2008

+ Trần Quỳnh N1 - sinh ngày 11/01/2014

Ly hôn, nguyện vọng của tôi là được trực tiếp nuôi 02 con chung là Trần Quỳnh A, sinh ngày 01/11/2008 và Trần Quỳnh N1, sinh ngày 11/01/2014 và không yêu cầu ông Trần Huy T cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** Không có.

- **Về nợ chung:** Không có.

*** Tại bản tự khai và quá trình hòa giải tại Tòa án, bị đơn, ông Trần Huy T trình bày như sau:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Tôi thống nhất như lời trình bày của bà N về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn, tôi và bà Nguyễn Thị N kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường TK, quận K, TP. Đ, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống tại P. H, Q. L, Tp. Đ. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng tôi có phát sinh mâu thuẫn nhỏ. Nguyên nhân là vì công việc nên bản thân tôi thường xuyên không đúng giờ giấc, chăm lo con cái không được tốt, tôi muốn được đoàn tụ để chăm lo cho con cái và gia đình. Tôi không đồng ý ly hôn.

- **Về quan hệ con chung:** Tôi và bà N có 02 con chung là:

+ Trần Quỳnh A - sinh ngày 01/11/2008

+ Trần Quỳnh N1 - sinh ngày 11/01/2014

Tôi không đồng ý ly hôn nên tôi không có ý kiến.

- **Về tài sản chung:** Không có.

- **Về nợ chung:** Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Trần Huy T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

và hòa giải theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 15/8/2018 và cũng như phiên tòa hôm nay Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn là ông Trần Huy T, nhưng ông Trần Huy T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Huy T.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Trần Huy T thì thấy:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị N và ông Trần Huy T có thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TK, quận K, Tp. Đ vào năm 2008. Theo bà Nguyễn Thị N trình bày thì trong quá trình chung sống ông Trần Huy T thường xuyên vắng nhà vì đam mê cờ bạc, không làm tròn trách nhiệm của người chồng người cha trong gia đình; rất nhiều lần lấy tiền và xe của gia đình đi cầm cố, để trả nợ và bà N đã nhiều lần bị giang hồ nơi ông T vay tiền đe dọa, uy hiếp, nên bà đã nhiều lần thế chấp căn nhà đang sinh sống để vay tiền Ngân hàng trả nợ cho ông T nhưng ông T không sửa đổi ngày càng nghiện nặng với bài bạc và thường sử dụng ma túy đã dẫn đến không kiểm soát được hành vi và có lời lẽ đe dọa đến bà N. Do vậy, bà N thấy đây là cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, quan hệ hôn nhân không thể duy trì nên bà N đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với ông Trần Huy T.

Còn ông Trần Huy T thì cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng ông T và bà N có phát sinh mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân là do công việc của bản thân ông T thường xuyên không đúng giờ giấc, chăm lo con cái không được tốt, nay ông T muốn được đoàn tụ để chăm lo cho con cái và gia đình tốt hơn. Tuy nhiên, bà N không đồng ý và cương quyết xin được ly hôn với ông Trần Huy T.

Qua xác minh tại địa phương thì thấy: Trong quá trình chung sống vợ chồng ông T và bà N đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Trần Huy T thường xuyên chơi bài bạc, sử dụng ma túy dẫn đến nợ nần, bà N đã nhiều lần thế chấp căn nhà đang sinh sống để vay Ngân hàng trả nợ cho ông T. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và Trần Huy T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, tại phiên tòa hôm nay mặt dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng ông Trần Huy T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy ông Trần Huy T không tôn trọng Pháp luật và thiếu thiện chí trong việc hàn gắn cuộc hôn nhân của mình. Do đó, việc bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Huy T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- **Về quan hệ con chung:** Bà Nguyễn Thị N và ông Trần Huy T có 02 con chung là:

- + Trần Quỳnh A - sinh ngày 01/11/2008
- + Trần Quỳnh N1 - sinh ngày 11/01/2014

Bà Nguyễn Thị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Quỳnh A, sinh ngày 01/11/2008 và Trần Quỳnh N1, sinh ngày 11/01/2014 và không yêu cầu ông Trần Huy T cấp dưỡng nuôi con chung cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần Quỳnh A, sinh ngày 01/11/2008 là được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn; Trong khi đó ông Trần Huy T không có mặt tại phiên tòa để trình bày nguyện vọng của mình về việc nuôi con chung cũng như không chứng minh được về điều kiện nuôi con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 con chung là Trần Quỳnh A, sinh ngày 01/11/2008 và Trần Quỳnh N1, sinh ngày 11/01/2014 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Trần Huy T không cấp dưỡng nuôi con chung. Sau này, ông Trần Huy T có tranh chấp về việc nuôi con chung và cấp dưỡng thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Không có.

*** Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:**

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N đối với ông Trần Huy T. Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1981 được ly hôn với ông Trần Huy T, sinh năm: 1980.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07 quyền số 01 ngày 16/01/2008 của UBND phường TK, quận K, TP. Đ không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- **Về quan hệ con chung:** Giao 02 con chung Trần Quỳnh A, sinh ngày 01/11/2008 và Trần Quỳnh N1, sinh ngày 11/01/2014 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Trần Huy T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Không có.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị N phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002948 ngày 07.6.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Liên Chiểu;
- Chi cục THA.DS Q. Liên Chiểu;
- UBND P. Thanh Khê Đông;
- Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Trình

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội Thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Liên Chiểu;
- Chi cục THA.DS Q. Liên Chiểu;
- UBND P. Thanh Khê Đông;
- Hồ sơ vụ án.

Phan Văn Trình

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Văn Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Phạm Hùng**

Ông **Nguyễn Văn Chi**

Tiến hành nghị án đối với vụ án thụ lý số 427/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “*Ly hôn*” giữa các bên đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Phan Mỹ** – sinh năm 1967, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Hải** – sinh năm 1966, vắng mặt không có lý do.

Cùng trú tại: Tổ 97 phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật:

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

I. Ý kiến của Hội thẩm nhân dân:

* Ông Nguyễn Công Chi có ý kiến như sau:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Phan Mỹ đối với bà Lê Thị Hải.

Tuyên xử: Ông Phan Mỹ, sinh năm 1967 được ly hôn với bà Lê Thị Hải, sinh năm 1966.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01 quyển số 03 ngày 23/01/1996 của UBND Xã Hòa Minh, Huyện Hòa Vang, Tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ), nay là UBND phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

2. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng ông Phan Mỹ phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000655 ngày 07.11.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng. Như vậy, ông Phan Mỹ đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

* Ông Nguyễn Phạm Hùng: thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Công Chi.

II. Ý kiến của thẩm phán chủ tọa phiên tòa:

Ông Phan Văn Trình: thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân dân.

III. Kết quả thảo luận:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Phan Mỹ đối với bà Lê Thị Hải.

Tuyên xử: Ông Phan Mỹ, sinh năm 1967 được ly hôn với bà Lê Thị Hải, sinh năm 1966.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01 quyển số 03 ngày 23/01/1996 của UBND Xã Hòa Minh, Huyện Hòa Vang, Tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ), nay là UBND phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

2. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng ông Phan Mỹ phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000655 ngày 07.11.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng. Như vậy, ông Phan Mỹ đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 100% (3/3)

Nghị án kết thúc nghị án lúc giờ phút ngày 30 tháng 3 năm 2018

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội Thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

**TOÀ ÁN ND Q.LIÊN CHIỂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên Toà: Bà **Phạm Thanh Thủy**.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Văn Sỹ** và ông **Nguyễn Công Chi**.

Tiến hành nghị án đối với vụ án thụ lý số 359/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “*Ly hôn*” giữa các bên đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Huyền - Sinh năm 1985. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Công Hà - Sinh năm 1981. (vắng mặt lần 2 không lý do).

Cùng trú tại: Tổ 33C, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật:

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

I. Ý kiến của Hội thẩm nhân dân:

* Ông Nguyễn Công Chi có ý kiến như sau:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Huyền đối với ông Lê Công Hà.

Tuyên xử: Bà Trần Thị Huyền, sinh năm 1985, được ly hôn với ông Lê Công Hà, sinh năm 1981.

Giấy chứng nhận kết hôn số 82 quyền số 02 ngày 15.5.2006 của UBND UBND xã Vĩnh Cháp, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Tuyên:

- Giao con hai chung Lê Công Vinh - sinh ngày 20.10.2006 và Lê Công Toàn - sinh ngày 22.12.2007 cho bà Trần Thị Huyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Buộc ông Lê Công Hà phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/02 con chung (*ba triệu đồng*)(1.500.000 đồng/01 con).

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà Trần Thị Huyền phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000543 ngày 05.10.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng. Như vậy, bà Trần Thị Huyền đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con ông Lê Công Hà phải nộp 300.000 đồng.

* Ông Ngô Văn Sỹ: thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Công Chi.

II. Ý kiến của thẩm phán chủ tọa phiên tòa:

Bà Phạm Thanh Thủy: thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân dân.

III. Kết quả thảo luận:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Huyền đối với ông Lê Công Hà.

Tuyên xử: Bà Trần Thị Huyền, sinh năm 1985, được ly hôn với ông Lê Công Hà, sinh năm 1981.

Giấy chứng nhận kết hôn số 82 quyền số 02 ngày 15.5.2006 của UBND UBND xã Vĩnh Cháp, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Tuyên:

- Giao con hai chung Lê Công Vinh - sinh ngày 20.10.2006 và Lê Công Toàn - sinh ngày 22.12.2007 cho bà Trần Thị Huyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Buộc ông Lê Công Hà phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng(*ba triệu đồng*)/02 con chung (*ba triệu đồng*)(1.500.000 đồng/01 con).

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà Trần Thị Huyền phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000543 ngày 05.10.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng. Như vậy, bà Trần Thị Huyền đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con ông Lê Công Hà phải nộp 300.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 100% (3/3)

Nghị án kết thúc nghị án lúc giờ phút ngày 11 tháng 01 năm 2018

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội Thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án Liên Chiểu;
- UBND xã Bình Tú, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam;
- Hồ sơ vụ án.

Phạm Thanh Thủy

